

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2020/HS-ST**  
Ngày: 29-6-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Anh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Trần Thị Kim Tân**

2. Ông **Trần Văn Xuân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:**

Ông **Võ Công Văn** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2020/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**NGUYỄN CÔNG T**, sinh năm 1998, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1955 (đã chết) và bà Lê Thị R, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày **29-02-2020** đến nay.

*(Có mặt tại phiên tòa)*

**+ Bị hại:**

**1. Chị Nguyễn Thị Như Y**, sinh năm 1997. *(Vắng mặt)*

ĐKTT: Ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

**2. Bà Tạ Thị Thu NG**, sinh năm 1969. *(Vắng mặt)*

ĐKTT: Ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

**+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Bà Lê Thị R**, sinh năm 1972. *(Vắng mặt)*

ĐKTT: Ấp 2, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

**2. Bà Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1976. *(Vắng mặt)*

ĐKTT: Ấp Ấp 2, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26-02-2020, Nguyễn Công T đi bộ đến nhà chị Y, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà chị Y, thấy cửa khóa nên T đã đi vòng ra phía sau, leo qua hàng rào lưới B40, vào nhà đến phòng ngủ lấy các tài sản gồm: Số tiền 400.000 đồng; 01 (Một) nhẫn đeo tay vàng 24k, trọng lượng 0,495 chỉ; 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18k, mặt thánh giá, trọng lượng 1,66 chỉ; 02 (Hai) thẻ ATM của ngân hàng VC, mang tên Nguyễn Thị Như Y và Tạ Thị Thu NG và 01 (Một) con heo đất bên trong có 500.000 đồng đem về nhà. Sau đó, T đem sợi dây chuyền vàng 18k, đến cửa hàng mua bán vàng “KL” thuộc ấp 2, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, do chị Trần Thị Mỹ L làm chủ bán được 4.800.000 đồng. T đến trụ rút tiền ATM của ngân hàng A thuộc xã X để rút tiền trong thẻ ATM nhưng không được. Sau đó, T đón xe đến thành phố LK chơi. Khoảng 15 giờ ngày 27-02-2020, T trở về xã XH đến gặp bà Lê Thị R (là mẹ ruột của T) và cho bà R 1.000.000 đồng.

Sau khi xác minh, Công an đã xác định Nguyễn Công T là người vào nhà chị Nguyễn Thị Như Y lấy tài sản và bắt giữ T.

Trị giá các loại tài sản:

- 01 (Một) chiếc nhẫn vàng loại 24k, là:  $0,495 \text{ chỉ} \times 4.520.000 \text{ đồng/chỉ} = 2.237.400 \text{ đồng}$ .

- 01 (Một) dây chuyền vàng, có mặt hình thánh giá, vàng 18k, trọng lượng 1,66 chỉ là:  $1,66 \text{ chỉ} \times 2.850.000 \text{ đồng/chỉ} = 4.731.000 \text{ đồng}$ ;

- Số tiền 400.000 đồng và 01 (Một) con heo đất bên trong có 500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị cáo T lấy là 7.868.400 (*Bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm*) đồng.

#### **Vật chứng vụ án thu giữ:**

- Số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng do bà Lê Thị R tự nguyện giao nộp.

- Số tiền 1.100.000 đồng; 01 (Một) thẻ ATM của ngân hàng VC mang tên Nguyễn Thị Như Y; 01 (Một) thẻ ATM của ngân hàng VC mang tên Tạ Thị Thu NG; 01 (Một) nhẫn vàng 24k, trọng lượng 0,495 chỉ, thu giữ của Nguyễn Công T. Đã trả lại cho các bị hại.

Bản cáo trạng số **78/CT-VKSXL** ngày 05-5-2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai truy tố Nguyễn Công T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Công T khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng mô tả. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Công T về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điều i, s, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Công T từ **08 tháng** đến **10 tháng** tù.

Ý kiến của bị hại chị Nguyễn Thị Như Y đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 (Một) nhẫn vàng 24k, trọng lượng 0,495 chỉ; 01 (Một) thẻ ATM của ngân hàng VC mang tên Nguyễn Thị Như Y và 2.100.000 đồng. Chị Y yêu cầu Nguyễn Công T bồi thường 3.531.000 đồng.

Ý kiến của bị hại bà Tạ Thị Thu NG đã nhận lại tài sản là 01 (Một) thẻ ATM của ngân hàng VC mang tên Tạ Thị Thu NG, không có yêu cầu gì.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R: Nguyễn Công T đưa cho bà 1.000.000 đồng, bà không biết đây là số tiền do T thực hiện hành vi phạm tội mà có.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ L: Nguyễn Công T đem sợi dây chuyền vàng đến bán, chị không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên mua và đã bán lại cho người khác, không rõ địa chỉ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Công T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26-02-2020, Nguyễn Công T đã lén lút

vào nhà của chị Nguyễn Thị Như Y thuộc ấp 2, xã XH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, lấy những loại tài sản gồm: 400.000 đồng; 01 (Một) nhẫn vàng 24k, trọng lượng 0,495 chỉ; 01 (Một) dây chuyền vàng 18k, mặt thánh giá, trọng lượng 1,66 chỉ; 02 (Hai) thẻ ATM của ngân hàng VC mang tên Nguyễn Thị Như Y và Tạ Thị Thu NG và 01 (Một) con heo đất bên trong có số tiền 500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 7.868.400 (Bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm) đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Công T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bà Thu NG và chị Như Y nên cần đưa ra xét xử và áp dụng mức hình phạt nghiêm, nhằm răn đe bị cáo và để giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Bị cáo lấy trộm tài sản trị giá trên 2.000.000đồng và dưới 50.000.000đồng, nên bị xét xử ở Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cũng xem xét cho bị cáo trong khi quyết định hình phạt.

Đối với bà Lê Thị R: Nguyễn Công T đưa cho bà 1.000.000 đồng, bà không biết đây là số tiền do T thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với chị Trần Thị Mỹ L: Nguyễn Công T đem sợi dây chuyền vàng đến bán cho chị, chị không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[5] *Về dân sự:*

Chị Nguyễn Thị Như Y yêu cầu Nguyễn Công T bồi thường 3.531.000 đồng, bị cáo chấp nhận toàn bộ, do đó ghi nhận sự thống nhất của bị cáo.

Bà Tạ Thị Thu NG đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, nên không xét.

[6] *Về án phí:*

Bị cáo Nguyễn Công T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Công T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

**Xử phạt: Nguyễn Công T – 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29-02-2020.**

**2. Về dân sự:**

Nguyễn Công T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Như Y **3.531.000** (Ba triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Như Y (Sau khi án có hiệu lực pháp luật), Nguyễn Công T phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

**3. Về án phí:**

Buộc Nguyễn Công T nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cộng chung là **500.000** (Năm trăm nghìn) đồng tiền án phí.

**4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:**

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Bị cáo; đương sự;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Anh Dũng**